

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

Tailieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Giáo trình môn học Luật hành chính Việt Nam được biên soạn trên cơ sở Hiến pháp năm 2013 và các văn bản pháp luật hiện hành quy định về quản lý hành chính nhà nước.

Nội dung giáo trình bao gồm những vấn đề cơ bản về Luật hành chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Tài liệu có giá trị hướng dẫn học viên học tập và có thể tham khảo để vận dụng trong thực tế cuộc sống, là cơ sở kiến thức để học viên liên thông lên trình độ cao hơn.

Giáo trình này là môn học thứ 8 trong chương trình đào tạo trung cấp ngành Pháp luật. Môn học này gồm có 5 chương, cụ thể như sau:

Chương 1. Cơ sở lý luận về luật hành chính

Chương 2. Thủ tục hành chính

Chương 3. Quyết định hành chính

Chương 4. Quy chế hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước và cán bộ công chức Nhà nước

Chương 5. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

....., ngày.....tháng.....năm.....

MỤC LỤC

Chương 1. Cơ sở lý luận về luật hành chính

1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của.....	
Luật hành chính.....	6
2. Quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính.....	7
Câu hỏi ôn tập	13

Chương 2. Thủ tục hành chính

1. Khái niệm và nguyên tắc thực hiện thủ tục hành chính.....	14
2. Thẩm quyền và phạm vi công bố thủ tục hành chính.....	16
3. Công bố thủ tục hành chính.....	17
Câu hỏi ôn tập	20

Chương 3. Quyết định hành chính

1. Khái niệm và đặc điểm của quyết định hành chính	21
2. Phân loại quyết định hành chính.....	22
Câu hỏi ôn tập	24

Chương 4. Quy chế pháp lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước và cán bộ công chức Nhà nước

1. Quy chế pháp lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước.....	25
2. Cán bộ, công chức và viên chức Nhà nước	28
Câu hỏi ôn tập	30

Chương 5. Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

1. Khái niệm vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính	31
2. Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính	31
3. Đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính	32
4. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính	33
5. Các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.....	34
Câu hỏi ôn tập	35

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Luật Hành chính

Mã môn học: MH 08

Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học Luật Hành chính là môn học chuyên môn bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp ngành pháp luật, được giảng dạy cho người học sau khi đã học các môn học cơ sở.

- Tính chất: là môn học nghiên cứu lý luận về pháp luật hành chính.

- Ý nghĩa và vai trò của môn học: Môn học Luật hành chính là môn học chuyên ngành ngành Luật, môn học bao gồm những nội dung về cơ sở lý luận Luật hành chính, thủ tục hành chính, quyết định hành chính, quy chế pháp lý hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước và cán bộ công chức nhà nước, vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính.

Mục tiêu của môn học

- Về kiến thức:

- + Trình bày được cơ sở lý luận về pháp luật hành chính.
- + Trình bày được những quy định của pháp luật về thủ tục hành chính
- + Phân tích được nội dung của quyết định hành chính
- + Trình bày được quy chế hành chính của cơ quan hành chính Nhà nước và cán bộ công chức Nhà nước

+ Phân tích được các vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính

- Về kỹ năng:

+ Xác định được quy phạm pháp luật hành chính, vận dụng vào việc tra cứu văn bản pháp luật hành chính trên thực tế.

+ Phân biệt được các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước với các nguyên tắc quản lý trong các ngành luật khác.

+ So sánh được thủ tục hành chính với các thủ tục của các ngành luật khác.

+ Phân loại được thủ tục hành chính.

+ Phân biệt được quyết định hành chính với quyết định lập pháp, quyết định tư pháp.

+ So sánh được cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

+ Xử lý được các tình huống xảy ra trong thực tế phù hợp theo quy định của pháp luật hành chính.

+ Vận dụng được các quy định của pháp luật hành chính vào thực tiễn cuộc sống.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Ý thức được tầm quan trọng của pháp luật hành chính, tôn trọng và gương mẫu chấp

hành pháp luật hành chính.

+ Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong việc thực hiện pháp luật hành chính.

TaiLieu.vn

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ LUẬT HÀNH CHÍNH

Giới thiệu

Chương 1. Trong hệ thống pháp luật Việt Nam, mỗi ngành luật điều chỉnh những quan hệ pháp luật riêng biệt, giúp nhà nước quản lý và điều chỉnh các quan hệ xã hội. Trong hệ thống pháp luật đó, Luật Hành chính có vai trò quan trọng trong tổ chức bộ máy nhà nước. Điều này, được thể hiện cụ thể trong Chương 1 “Cơ sở lý luận về Luật hành chính”. Đó là, những nội dung về khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính, những nội dung về quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính.

Mục tiêu

Sau khi học xong chương 1, người học sẽ:

- Trình bày được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính
- Phân tích được các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính
- Trình bày được khái niệm và nội dung của quy phạm hành chính
- Xác định được các quan hệ hành chính và quy phạm hành chính.
- Có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật hành chính

Nội dung chính

1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

1.1. Khái niệm

Luật hành chính là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm tổng thể các quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động quản lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các cơ quan nhà nước xây dựng và ổn định chế độ công tác nội bộ của mình, các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cá nhân thực hiện hoạt động quản lý hành chính đối với các vấn đề cụ thể do pháp luật quy định.

1.2. Đối tượng điều chỉnh của ngành luật hành chính

Đối tượng điều chỉnh của luật hành chính là những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh giữa các chủ thể tham gia hoạt động của nhà nước trong những trường hợp sau:

Những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

Những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động xây dựng, tổ chức công tác nội bộ của các cơ quan nhà nước khác (như Tòa án, Viện kiểm sát).

Những quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành và điều hành phát sinh trong hoạt động của các cơ quan nhà nước khác hoặc các tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

1.3. Phương pháp điều chỉnh

Phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính là cách thức, biện pháp tác động lên các chủ thể trong quan hệ xã hội mang tính chất chấp hành - điều hành phát sinh trong lĩnh vực tổ chức và hoạt động hành chính nhà nước.

Luật hành chính sử dụng hai phương pháp điều chỉnh là phương pháp quyền uy - phục tùng và phương pháp thỏa thuận trong đó, phương pháp đặc trưng và chiếm lĩnh trong hầu hết các quan hệ pháp luật hành chính là phương pháp quyền uy - phục tùng.

1.3.1. Phương pháp quyền uy - phục tùng.

Xuất phát từ tính chấp hành - điều hành trong quan hệ hành chính nên phương pháp điều chỉnh đặc trưng của Luật hành chính là phương pháp quyền uy - phục tùng. Theo phương pháp này thì trong hai bên của quan hệ hành chính, bên này phải phục tùng ý chí của bên kia chẳng hạn như: quan hệ giữa các cơ quan hành chính cấp trên và cấp dưới; giữa các cơ quan hành chính nhà nước và công dân;...Cụ thể, bên được trao quyền hạn mang tính quyền lực nhà nước là bên được ra các quyết định mang tính đơn phương, kiểm tra hoạt động của bên còn lại, được áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong trường hợp cần thiết theo quy định pháp luật còn bên còn lại bắt buộc phải thi hành, phục tùng các quyết định, biện pháp này. Chẳng hạn, công dân được quyền xin cấp đất xây dựng nhà ở tuy nhiên việc xem xét và quyết định có cấp hay không là quyền hạn của cơ quan hành chính nhà nước và khi quyết định đã ban hành, công dân phải chấp hành quyết định, tất nhiên, pháp luật cũng đồng thời cho phép người dân được thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo đối với quyết định hành chính.

1.3.2. Phương pháp thỏa thuận.

Trong quan hệ pháp luật hành chính tồn tại sự bình đẳng về ý chí của các bên tham gia quan hệ. Chẳng hạn như trong quan hệ hành chính phối hợp giữa hai cơ quan hành chính để ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên tịch thì các bên trong quan hệ này có tư cách, ý chí bình đẳng với nhau hay đây còn được gọi là quan hệ pháp luật hành chính ngang.

2. Quy phạm pháp luật hành chính và quan hệ pháp luật hành chính

2.1. Quy phạm pháp luật hành chính

2.1.1. Khái niệm

Quy phạm pháp luật hành chính là các quy tắc xử sự chung do cơ quan Nhà nước, các cán bộ nhà nước có thẩm quyền ban hành, chủ yếu điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước (hay còn gọi là hoạt động chấp hành - điều hành của Nhà nước) có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với những đối tượng có liên quan.

2.1.2 Nội dung của quy phạm pháp luật hành chính

Các quy phạm pháp luật hành chính có thể có những nội dung cơ bản sau:

- Quy phạm pháp luật hành chính quy định địa vị pháp lý của các bên tham gia quan hệ quản lý hành chính nhà nước tức là xác định quyền và nghĩa vụ cũng như mối liên hệ chủ yếu giữa các bên tham gia quan hệ quản lý hành chính nhà nước. Điều này liên quan trực tiếp tới bản thân quan hệ pháp luật hành chính cụ thể trong 2 trường hợp sau:

Quy phạm pháp luật hành chính trong quan hệ pháp luật hành chính công: chủ thể có thẩm quyền hành chính nhà nước- chủ thể có thẩm quyền hành chính nhà nước.

Quy phạm pháp luật trong quan hệ pháp luật hành chính tư: chủ thể có thẩm quyền hành chính nhà nước- chủ thể không có thẩm quyền hành chính nhà nước hoặc tham gia không với tư cách chủ thể có thẩm quyền hành chính nhà nước.

- Quy phạm pháp luật hành chính xác định những thủ tục, trình tự cần thiết cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ pháp luật hành chính và một số quan hệ pháp luật khác như quan hệ pháp luật lao động, tài chính, đất đai...

- Quy phạm pháp luật hành chính xác định các biện pháp khen thưởng và các biện pháp cưỡng chế hành chính đối với các đối tượng quản lý.

2.1.3. Phân loại quy phạm pháp luật hành chính

Để phân loại các quy phạm pháp luật hành chính có thể dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau. Tuy nhiên, trong giới hạn của chương trình học ta chỉ phân loại dựa trên một số tiêu chí chủ yếu. Các tiêu chí đó là các căn cứ về nội dung pháp lý, về tính chất của những quan hệ được quy phạm pháp luật hành chính điều chỉnh, về thời gian áp dụng, cơ quan ban hành cũng như căn cứ vào phạm vi hiệu lực pháp lý của các quy phạm hành chính.

- Căn cứ vào nội dung pháp lý của quy phạm pháp luật hành chính ta có ba loại quy phạm:

Quy phạm đặt nghĩa vụ: là quy phạm buộc các đối tượng có liên quan phải thực hiện những hành vi nhất định.

Quy phạm trao quyền: là quy phạm trao quyền cho các đối tượng có liên quan quyền thực hiện những hành vi nhất định. Quy phạm trao quyền được thể hiện rõ trong quan hệ pháp luật hành chính công khi cấp trên ban hành qui phạm trao quyền cho cấp dưới.

Quy phạm ngăn cấm: là quy phạm buộc các đối tượng có liên quan tránh thực hiện những hành vi nhất định.

- Căn cứ vào tính chất của những quan hệ được điều chỉnh, có hai loại quy phạm:

Quy phạm nội dung: là quy phạm quy định quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ quản lý hành chính nhà nước.

Quy phạm thủ tục: là quy phạm quy định trình tự thủ tục mà các bên phải tuân theo trong khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Căn cứ vào cơ quan ban hành, có các quy phạm sau:

Những quy phạm do cơ quan quyền lực nhà nước ban hành.

Những quy phạm do Chủ tịch nước ban hành.

Những quy phạm do Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành.

Những quy phạm do cơ quan hành chính nhà nước ban hành.

Những quy phạm do các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội phối hợp ban hành. Quy phạm pháp luật hành chính không chỉ được ban hành bởi cơ quan hành chính nhà nước, mà cả các cơ quan khác trong hệ thống cơ quan nhà nước. Ví dụ: Quốc hội Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao

- Căn cứ vào thời gian áp dụng, có ba loại quy phạm, đó là: quy phạm áp dụng lâu dài, quy phạm áp dụng có thời hạn và những quy phạm tạm thời.

Quy phạm áp dụng lâu dài: là quy phạm mà trong văn bản ban hành chúng không ghi thời hạn áp dụng, do vậy, chúng chỉ hết hiệu lực khi cơ quan có thẩm quyền tuyên bố bãi bỏ hay thay thế chúng bằng những quy phạm khác.

Quy phạm áp dụng có thời hạn: là những quy phạm mà trong văn bản ban hành chúng có ghi thời hạn áp dụng. Thường là những quy phạm được ban hành để điều chỉnh những quan hệ xã hội phát sinh trong tình huống đặc biệt, khi tình huống này không còn thì quy phạm cũng hết hiệu lực.

Quy phạm tạm thời: là những quy phạm được ban hành để áp dụng thử. Nếu sau thời gian áp dụng thử mà xét thấy nó phù hợp thì sẽ ban hành chính thức. Có những trường hợp được ban hành thí điểm, áp dụng giới hạn ở một số địa phương nhất định. Sau một thời gian đánh giá hiệu quả hoạt động trên thực tế, sẽ ban hành đồng loạt.

- Căn cứ vào phạm vi hiệu lực pháp lý, có hai loại quy phạm sau:

Quy phạm pháp luật hành chính có hiệu lực trên phạm vi cả nước.

Quy phạm pháp luật hành chính có hiệu lực pháp lý ở từng địa phương.

2.1.4. Hiệu lực và vấn đề thực hiện quy phạm pháp luật hành chính

2.1.4.1 Hiệu lực của quy phạm pháp luật hành chính có hiệu lực về thời gian và không gian.

+ Hiệu lực về thời gian

Đối với những quy phạm pháp luật hành chính được quy định trong văn bản luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội có hiệu lực kể từ ngày Chủ tịch nước ký lệnh công bố (trừ trường hợp văn bản đó quy định ngày có hiệu lực khác).

Đối với những quy phạm pháp luật hành chính được quy định trong văn bản pháp luật của Chủ tịch nước (lệnh, quyết nghị) thì có hiệu lực kể từ ngày đăng công báo (trừ trường hợp văn bản đó quy định ngày có hiệu lực khác).

Đối với quy phạm hành chính được quy định trong văn bản pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thì có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Quy phạm pháp luật hành chính hết hiệu lực khi đã hết thời hạn có hiệu lực được quy định trong văn bản đó hay được thay thế bằng một văn bản mới của chính cơ quan đã ban hành văn bản đó hoặc bị hủy bỏ, bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quy phạm pháp luật hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp có hiệu lực kể từ ngày kí trừ trường hợp có qui định có hiệu lực về sau trong văn bản quy phạm pháp luật.

+ Hiệu lực về không gian

Đối với những quy phạm pháp luật hành chính do các cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành thì có hiệu lực trong phạm vi cả nước (trừ trường hợp có quy định khác, ví dụ quản lý khu vực biên giới, vùng đặc khu kinh tế). Ví dụ: Nghị quyết của Quốc hội thì có hiệu lực pháp lý trên phạm vi cả nước.

Đối với những quy phạm pháp luật hành chính do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp ban hành thì có hiệu lực trong phạm vi từng địa phương nhất định. Ví dụ: Nghị

quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu thì chỉ có hiệu lực pháp lý trên phạm vi tỉnh Bạc Liêu.

Quy phạm pháp luật hành chính cũng có hiệu lực pháp lý đối với các cơ quan, tổ chức và người nước ngoài ở Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật của Việt Nam hay điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

2.4.1.2. Thực hiện quy phạm pháp luật hành chính

Thực hiện quy phạm pháp luật hành chính là việc dùng quy phạm pháp luật hành chính để tác động vào hành vi của các bên tham gia quan hệ quản lý nhà nước, được biểu hiện dưới hai hình thức là chấp hành và áp dụng quy phạm pháp luật hành chính.

- Chấp hành quy phạm pháp luật hành chính: là việc các cơ quan, tổ chức và cá nhân làm theo đúng những yêu cầu của quy phạm pháp luật hành chính. Các chủ thể của quan hệ pháp luật hành chính thực hiện hành vi chấp hành quy phạm pháp luật hành chính trong những trường hợp sau:

Khi thực hiện đúng các hành vi mà quy phạm pháp luật hành chính cho phép;

Khi thực hiện đúng các hành vi mà quy phạm pháp luật hành chính buộc phải thực hiện;

Khi không thực hiện những hành vi mà quy phạm pháp luật hành chính cấm thực hiện.

- Áp dụng pháp luật hành chính: Là việc cơ quan có thẩm quyền của nhà nước căn cứ vào pháp luật hiện hành để giải quyết các công việc cụ thể phát sinh trong quá trình quản lý hành chính nhà nước. Việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính trực tiếp làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt các quan hệ pháp luật hành chính cụ thể - quan hệ pháp luật hành chính tư. Chúng liên quan trực tiếp tới việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia vào quan hệ quản lý hành chính nhà nước, đặc biệt là đối với tổ chức, công dân. Do vậy, việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính phải tuân theo những yêu cầu sau:

Việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính phải tuân theo những yêu cầu của nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa và đảm bảo nhân dân lao động có điều kiện tham gia vào quản lý nhà nước. Vì áp dụng quy phạm pháp luật hành chính là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tất cả những vấn đề có liên quan đến quyền lợi của các tổ chức, cá nhân.

Việc áp dụng quy phạm pháp luật hành chính trực tiếp làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt các quan hệ pháp luật hành chính cụ thể, vì vậy phải được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của nhà nước và phải được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục, đúng thời hạn pháp luật quy định, phải xem xét, giải quyết đúng hạn các yêu cầu nhận được, trả lời công khai, chính thức về kết quả giải quyết cho các đối tượng có liên quan.

Kết quả áp dụng quy phạm pháp luật hành chính phải được thể hiện bằng văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và việc áp dụng chỉ được coi là hoàn thành khi quyết định của cơ quan áp dụng pháp luật được chấp hành trong thực tế.

Mối quan hệ giữa chấp hành và áp dụng quy phạm pháp luật hành chính

Chấp hành và áp dụng quy phạm pháp luật hành chính có mối quan hệ hữu cơ với